

BÀI 13 - PHIẾU GIAO BÀI TẬP

Chú ý: Các file bài tập cần đặt tên theo mẫu *HTCSDL_STTBai_TenSV_MaSV* (Ví dụ: *HTCSDL_1.1_NguyenVanAn_123456*)

Cho hệ thống quản lý đặt phòng Karaoke tại quán LAYLOIHOI Đà Nẵng. Hệ thống có cơ sở dữ liệu được mô tả như sau:



Lưu ý:

- KHACH_HANG: lưu trữ thông tin của khách hàng
- PHONG: lưu trữ thông tin phòng karaoke
- DICH_VU_DI_KEM: lưu trữ thông tin các dịch vụ đi kèm được cung cấp tại quán Karaoke.
- DAT_PHONG: lưu trữ thông tin đặt phòng karaoke của khách hàng
- CHI_TIET_SU_DUNG_DV: lưu trữ thông tin chi tiết khi khách hàng sử dụng các dịch vụ đi kèm.
- PK: là các trường tham gia vào khóa chính của bảng

Mô tả dữ liệu mẫu

PHONG

MaPhong	LoaiPhong	SoKhachToiDa	GiaPhong	MoTa
P0001	Loai 1	20	60,000	
P0002	Loai 1	25	80,000	
P0003	Loai 2	15	50,000	
P0004	Loai 3	20	50,000	

KHACH_HANG

MaKH	TenKH	DiaChi	SoDT
KH0001	Nguyen Van A	Hoa xuan	1111111111
KH0002	Nguyen Van B	Hoa hai	1111111112
KH0003	Phan Van A	Cam le	1111111113
KH0004	Phan Van B	Hoa xuan	1111111114

DICH_VU_DI_KEM

MaDV	TenDV	DonViTinh	DonGia
DV001	Beer	lon	10,000
DV002	Nuoc ngot	lon	8,000
DV003	Trai cay	dia	35,000
DV004	Khan uot	cai	2,000

DAT_PHONG

MaDatPhong	MaPhong	MaKH	NgayDat	GioBatDau	GioKetThuc	TienDatCoc	GhiChu	TrangThaiDat
DP0001	P0001	KH0002	26/03/2018	11:00	13:30	100,000		Da dat
DP0002	P0001	KH0003	27/03/2018	17:15	19:15	50,000		Da huy
DP0003	P0002	KH0002	26/03/2018	20:30	22:15	100,000		Da dat
DP0004	P0003	KH0001	01/04/2018	19:30	21:15	200,000		Da dat

CHI TIET SU DUNG DICH_VU

MaDatPhong	MaDV	SoLuong
DP0001	DV001	20
DP0001	DV003	3
DP0001	DV002	10
DP0002	DV002	10
DP0002	DV003	1
DP0003	DV003	2
DP0003	DV004	10

Viết câu lệnh SQL để thực hiện các yêu cầu sau (mỗi yêu cầu chỉ được viết tối đa 1 câu lệnh SQL):

I.

Câu 1: Liệt kê MaDatPhong, MaDV, SoLuong của tất cả các dịch vụ có số lượng lớn hơn 3 và nhỏ hơn 10. (1 điểm)

Câu 2: Cập nhật dữ liệu trên trường GiaPhong thuộc bảng PHONG tăng lên 10,000 VNĐ so với giá phòng hiện tại, chỉ cập nhật giá phòng của những phòng có số khách tối đa lớn hơn 10. (1 điểm)

Câu 3: Xóa tất cả những đơn đặt phòng (từ bảng DAT_PHONG) có trạng thái đặt (TrangThaiDat) là “Da huy”. (1 điểm)

II.

Câu 4: Hiển thị TenKH của những khách hàng có tên bắt đầu là một trong các ký tự “H”, “N”, “M” và có độ dài tối đa là 20 ký tự. (1 điểm)

Câu 5: Hiển thị TenKH của tất cả các khách hàng có trong hệ thống, TenKH nào trùng nhau thì chỉ hiển thị một lần. Sinh viên sử dụng hai cách khác nhau để thực hiện yêu cầu trên, mỗi cách sẽ được 0,5 điểm. **(1 điểm)**

Câu 6: Hiển thị MaDV, TenDV, DonViTinh, DonGia của những dịch vụ đi kèm có DonViTinh là “lon” và có DonGia lớn hơn 10,000 VNĐ hoặc những dịch vụ đi kèm có DonViTinh là “Cai” và có DonGia nhỏ hơn 5,000 VNĐ. **(1 điểm)**

Câu 7: Hiển thị MaDatPhong, MaPhong, LoaiPhong, SoKhachToiDa, GiaPhong, MaKH, TenKH, SoDT, NgayDat, GioBatDau, GioKetThuc, MaDichVu, SoLuong, DonGia của những đơn đặt phòng có năm đặt phòng là “2016”, “2017” và đặt những phòng có giá phòng > 50,000 VNĐ/ 1 giờ. **(1 điểm)**

III.

Câu 8: Hiển thị MaDatPhong, MaPhong, LoaiPhong, GiaPhong, TenKH, NgayDat, TongTienHat, TongTienSuDungDichVu, TongTienThanhToan tương ứng với từng mã đặt phòng có trong bảng DAT_PHONG. **Những đơn đặt phòng nào không sử dụng dịch vụ đi kèm thì cũng liệt kê thông tin của đơn đặt phòng đó ra. (1 điểm)**

$$\begin{aligned} \text{TongTienHat} &= \text{GiaPhong} * (\text{GioKetThuc} - \text{GioBatDau}) \\ \text{TongTienSuDungDichVu} &= \text{SoLuong} * \text{DonGia} \\ \text{TongTienThanhToan} &= \text{TongTienHat} + \text{sum}(\text{TongTienSuDungDichVu}) \end{aligned}$$

Câu 9: Hiển thị MaKH, TenKH, DiaChi, SoDT của những khách hàng đã từng đặt phòng karaoke có địa chỉ ở “Hoa xuan”. **(1 điểm)**

Câu 10: Hiển thị MaPhong, LoaiPhong, SoKhachToiDa, GiaPhong, SoLanDat của những phòng được khách hàng đặt có số lần đặt lớn hơn 2 lần và trạng thái đặt là “Da dat”. **(1 điểm)**